MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/8/2023

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,220.61	243.91
% Thay đổi	-1.08%	-0.80%
KLGD (CP)	960,693,422	149,897,664
GTGD (tỷ đồng)	20,168.88	2,344.99
Tổng cung (CP)	2,336,464,408	211,935,000
Tổng cầu (CP)	2,119,865,762	171,691,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,099,027	1,355,165
KL mua (CP)	31,236,376	901,601
GT mua (tỷ đồng)	1,146.79	21.06
GT bán (tỷ đồng)	1,487.76	29.71
GT ròng (tỷ đồng)	(340.96)	(8.65)

Tương quan cung cầu HOSE

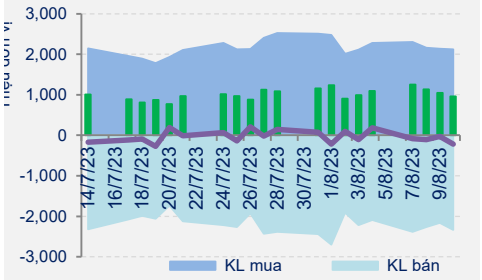

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

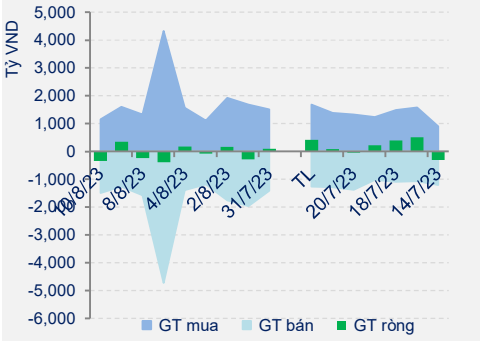

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

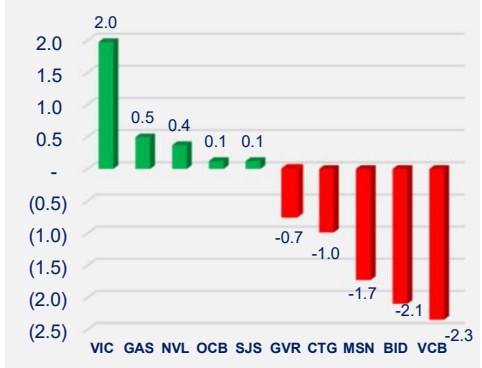

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giảm điểm hôm qua, nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn khiến cho giao dịch suy giảm trong phiên sáng và VN-Index biến động chủ yếu quanh mốc tham chiếu, tuy nhiên thị trường bước vào phiên chiều với áp lực bán diễn ra trên diện rộng và ngày càng gia tăng mạnh hơn cho đến cuối phiên. Kết thúc phiên giao dịch VN-INDEX giảm 13,38 điểm (-1,08%) về mức 1.220,61 điểm. HNX-INDEX giảm 1,97 điểm (-0,80%) về 243,91 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết trở nên tiêu cực khi có tới 496 mã giảm giá (05 mã giảm sàn), 182 mã tăng giá (17 mã tăng trần) và 101 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.506,07 tỷ đồng, tăng 7,7% so với phiên trước duy trì trên mức trung bình cho thấy áp lực chốt lãi, điều chỉnh mạnh diễn ra ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HOSE với giá trị 49,11 tỷ đồng, bán ròng trên HNX với giá trị 8,65 tỷ đồng.

Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm khi sắc đỏ bao trùm trên diện rộng. Nhóm cổ phiếu kém tích cực nhất là nhóm ngành thép với HPG (-1,6%), HSG (-1,6%), NKG (-2,8%). Hôm nay, giá thép xây dựng trong nước ghi nhận mức giảm lần thứ 16 liên tiếp. Hiện giá thép trong nước ở quanh mức 13-14 triệu đồng/tấn, là mức thấp nhất kể từ cuối năm 2020.

Các cổ phiếu ngân hàng cũng có diễn biến tiêu cực, hầu hết các mã chìm trong sắc đỏ như VCB (-1,9%), BID (-3,5%), CTG (-2,6%), TCB (-1,5%), MBB (-1,3%), STB (-2,1%), VPB (-0,5%), ACB (-1,3%), SHB (-1,5%), LPB (-1,6%), TPB (-1,9%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản phân hóa và có phần tích cực hơn khi có trụ cột VIC tỏa sáng với mức tăng 3,2%. Một số mã tăng giá tốt như SJS (+7,0%), TDH (+6,9%), QCG (+6,7%), NVL (+3,5%), SCR (+3,3%)... các mã khác chịu áp lực điều chỉnh như DXS (-3,8%), ITA (-3,5%), VRE (-2,8%), NLG (-1,7%), KDH (-1,7%)... Nhóm cổ phiếu Khu công nghiệp cũng điều chỉnh cùng thị trường chung với GVR (-3,2%), BCM (-2,8%), KBC (-1,6%), DPR (-1,3%), PHR (-1,2%), SZC (-0,9%), NTC (-0,9%)...

Cổ phiếu ngành chứng khoán tiếp tục chuỗi phiên giảm điểm SSI (-1,7%), VCI (-2,3%), HCM (-2,3%), BSI (-2,3%), SHS (-2,5%). CTS (-2,9%), FTS (-2,2%) BVS (-1,9%), ORS (-24%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 giảm 14 điểm (-1,13%), chênh lệch âm 0,20 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng gần 15% so với phiên giao dịch trước cho thấy vị thế bán gia tăng, khối lượng mở OI không biến động lớn. Các kỳ hạn VN30F2309, VN30F2312 và VN30F2403 chênh lệch âm từ +1,8 điểm đến -3,6 điểm. Cho thấy các vị thế đầu cơ ngắn trong phiên gia tăng và các trader cũng không quá bi quan về mức điều chỉnh của VN30.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thị trường tiếp tục có thêm phiên điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay, Vnindex đã lùi về gần 1.215 điểm, vùng tích lũy trước phiên bùng nổ đầu tuần. Như chúng tôi đã dự báo về việc thị trường có khả năng đối diện với nhịp điều chỉnh và rung lắc mạnh hơn các nhịp điều chỉnh trước do VnIndex đang tiệm cận với ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm và chưa thực sự có nhịp điều chỉnh với cường độ rung lắc đủ mạnh trong uptrend hiện tại. Ngưỡng hỗ trợ gần là vùng 1.215 điểm và xa hơn là vùng 1.200 điểm. Tuy nhiên chúng tôi vẫn kỳ vọng VnIndex sẽ tiếp tục quay trở lại đà tăng tiếp theo để tiến tới 1.300 điểm sau nhịp điều chỉnh này.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục điều chỉnh sâu hơn trong phiên hôm nay và chúng tôi đã dự báo về khả năng thị trường điều chỉnh để hình thành nền tích lũy mới. Chốt phiên hôm nay VnIndex giảm -13,38 điểm (-1,08%) và đóng cửa ở 1.220,61 điểm. Phiên điều chỉnh hôm nay làm biên độ dao động của VnIndex tăng mạnh hơn so với các nhịp điều chỉnh trước và phát tín hiệu cho thấy mức độ và thời gian điều chỉnh để hình thành nền tích lũy mới sẽ kéo dài hơn trước đây, điều này là bình thường bởi VnIndex đang dần tiệm cận ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm. Tuy nhiên khả năng VnIndex sẽ phục hồi sau nhịp điều chỉnh vẫn có xác suất khá cao bởi dư địa để VnIndex có thể vận động đến ngưỡng cản còn khá lớn và nội lực của uptrend đã thế hiện tốt trong thời gian qua.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định thị trường đã hình thành uptrend và VnIndex về lý thuyết sẽ không gặp nhiều ngưỡng cản mạnh cho đến khu vực 1.300 điểm. Sau gần 6 tháng tích lũy đầu năm và giai đoạn phục hồi ngắn hạn trong hơn 1 tháng qua thị trường đã hình thành được nền tích lũy tin cậy và tăng điểm ổn định để xác nhận xu hướng uptrend. Trong quá trình tăng điểm thị trường sẽ hình thành các sóng ngắn hạn với các nhịp tăng và điều chỉnh đan xen. Thị trường đang đối diện với nhịp điều chỉnh ngắn hạn nhưng lại là động thái vận động mang rũ bỏ và tích lũy để tiếp tục củng cố đà tăng trung hạn.

Trong ngắn hạn thị trường đang trong nhịp điều chỉnh và rũ bỏ thông thường nhưng rủi ro cao hơn do biến động sẽ mạnh hơn. Các nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng và chỉ giải ngân khi thị trường phát tín hiệu hồi phục trở lại sau nhịp điều chỉnh. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được cơ cấu tốt thời gian qua. Trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào trong nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
POW	13.80	13.1-13.6	16.5-17	12	22.9	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	28.80	28-29	32-33	26	8.2	33.1%	204.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CTG	31.65	30-30.8	35-37	28	8.6	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	25.90	18	28-30	25.5	43.9%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	35.00	25.1	35-37	34	39.4%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.10	12.75	18-18.5	14.5	18.4%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.20	54.8	65-67	61	11.7%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.80	28.05	34-35	31	9.8%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	56.30	51	62-64	57	10.4%	Bán
12/7/23	DCM	32.20	27.75	33.5-35	31	16.0%	Bán
28/7/23	BIC	28.80	29.1	32-33	28	-1.0%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	73.10	72.95	87-89	72	0.2%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	31.65	30.6	35-37	30.5	3.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Dự báo mới nhất của WB về tăng trưởng kinh tế Việt Nam	Theo bản cập nhật kinh tế mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố sáng 10/08, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chậm lại từ 8% năm 2022 xuống còn 3,7% trong nửa đầu năm 2023. Báo cáo dự báo mức tăng trưởng 4,7% vào năm 2023, sau đó tăng dần lên 5,5% vào năm 2024 và 6,0% vào năm 2025.
Đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao TPHCM-Cần Thơ hơn 7 tỷ USD	Theo quy hoạch, tuyến đường sắt TPHCM - Cần Thơ dài khoảng 174 km đi qua 6 tỉnh/thành phố, đường đôi, khổ 1.435 mm, lộ trình nghiên cứu, đầu tư trước năm 2030.
Thống nhất chủ trương đề án siêu cảng Cần Giờ hơn 5 tỷ USD	Theo đó, Ban Thường vụ Thành ủy TP.HCM cơ bản thống nhất chủ trương theo báo cáo, đề xuất của Ban cán sự đảng UBND TP.HCM về đề án đề án siêu cảng Cần Giờ. Dự án có quy mô 7 km cầu cảng và 2 km bến sà lan với nhu cầu sử dụng đất khoảng 571 ha. Tổng mức đầu tư ước tính gần 129.000 tỷ đồng - tương đương hơn 5,45 tỷ USD. Dự án do Tập đoàn MSC - hãng tàu container tốp đầu thế giới đề xuất đầu tư theo 7 giai đoạn (giai đoạn cuối đến năm 2047).
Miễn, giảm, gia hạn 109.000 tỷ đồng tiền thuế trong 7 tháng	Trong tháng 7, cơ quan thuế, hải quan tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tổng số tiền đã miễn, giảm, gia hạn ước tính đến hết tháng 7/2023 dạt khoảng 109.000 tỷ đồng (trong đó miễn, giảm khoảng 31.600 tỷ đồng; gia hạn khoảng 77.400 tỷ đồng).
7 tháng, thoái vốn Nhà nước mới đạt 7,5% dự toán cả năm	Bộ Tài chính cho biết, lũy kế 7 tháng, thoái vốn tại 11 đơn vị chỉ đạt 62,3 tỷ đồng, thu về 225,3 tỷ đồng, bằng 7,5% dự toán cả năm (3.000 tỷ đồng). Từ đầu năm 2022 đến nay, cả nước chỉ ghi nhận 1 doanh nghiệp cổ phần hoá…
WB dự báo năm 2023, nợ công Việt Nam ở mức 36% GDP	Các chuyên gia của World Bank cho biết nợ công và nợ được khu vực công bảo lãnh của Việt Nam vẫn ở mức bền vững, ổn định quanh khoảng 36% GDP trong năm 2023 trước khi giảm xuống khoảng 34,4% vào năm 2025…

TIN DOANH NGHIỆP	
SGN chốt quyền trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 25%	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/08/2023, tỷ lệ thực hiện 25% (1 cp được nhận 2.500 đồng), ước tính SGN cần chi gần 84 tỷ đồng để hoàn tất đợt trả cổ tức này. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 15/09/2023.
MIG: lãi ròng quý 2 gấp 3.7 lần cùng kỳ	Cụ thể, trong quý 2, doanh thu phí bảo hiểm của MIG tăng 15% so cùng kỳ lên gần 1.207 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng đạt gần 60 tỷ đồng, gấp 3,7 lần cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm, MIG thu về lãi ròng hơn 128 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ
Vietjet đã huy động gần 3.000 tỷ đồng trái phiếu trong hơn 2 tháng	Theo HNX, kể từ đầu tháng 6 đến nay, Viejet đã phát hành tổng công 10 lô trái phiếu với mã từ VJCH2328001 đến VJCH2328010. Tổng giá trị là 2.900 tỷ đồng, kỳ hạn đều là 60 tháng và lãi suất 12%/năm.
SDG chốt quyền trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 20%	CTCP Sadico Cần Thơ (HNX: SDG) thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/08/2023. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 31/08/2023.
SHB nâng vốn điều lệ lên gần 36.194 tỷ đồng	Ngày 08/08/2023, UBCKNN đã có văn bản số 5247/UBCK-QLCB xác nhận kết quả phát hành hơn 552 triệu cổ phiếu để chia cổ tức năm 2022 của Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB). Qua đó, vốn điều lệ của SHB đã tăng lên gần 36.194 tỷ đồng, đứng top 4 NHTMCP tư nhân về vốn điều lệ.

KLGD và VN-Index trong phiên

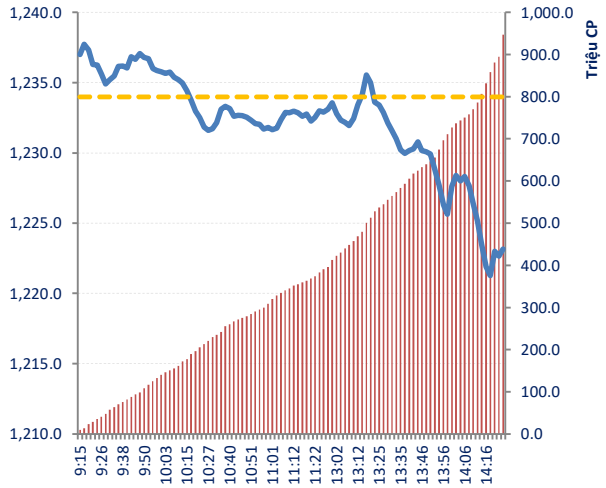

KLGD và HNX-Index trong phiên

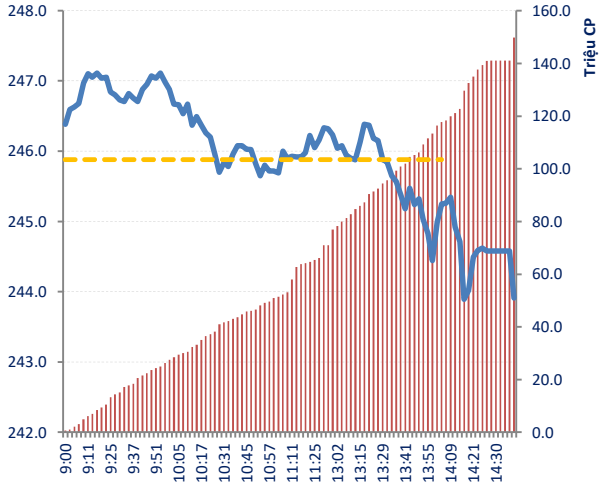

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

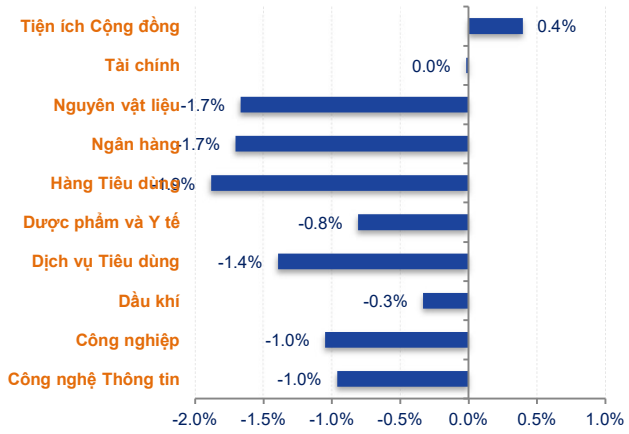

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

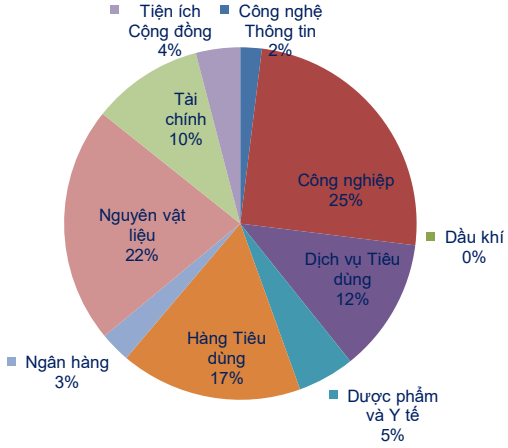

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

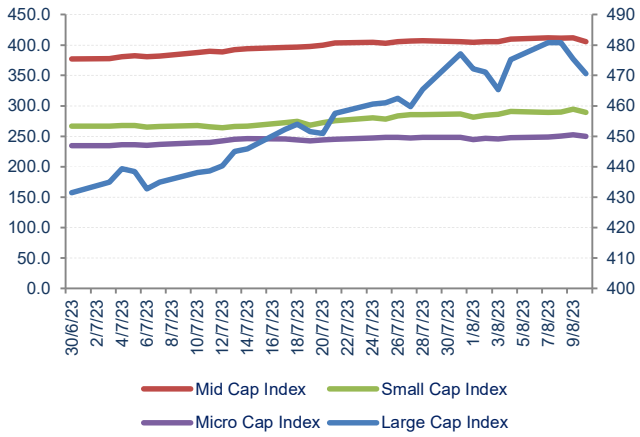

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

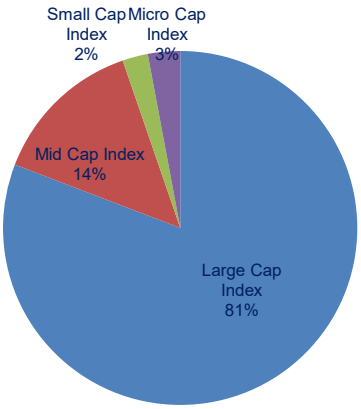

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SBT	929,500	VPB	3,798,200
2	VNM	927,150	FUEVFVND	3,589,600
3	VIC	923,622	E1VFVN30	3,231,700
4	HSG	764,300	SSI	1,853,901
5	CTG	735,236	MSN	1,071,746

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	19.90	20.60	3.52%	61,799,700
GEX	22.75	22.05	-3.08%	25,474,100
SHB	13.15	12.95	-1.52%	24,666,400
SSI	28.60	28.10	-1.75%	24,032,175
DXG	19.00	18.95	-0.26%	22,831,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPH	9.44	10.10	0.66	6.99%
SJS	60.10	64.30	4.20	6.99%
CIG	7.45	7.97	0.52	6.98%
LEC	9.04	9.67	0.63	6.97%
PIT	7.41	7.92	0.51	6.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	9.40	8.75	-0.65	-6.91%
APG	10.90	10.15	-0.75	-6.88%
GIL	32.85	30.60	-2.25	-6.85%
AGM	12.60	11.75	-0.85	-6.75%
CLW	32.90	30.70	-2.20	-6.69%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	229,600	TNG	745,108
2	BVS	93,700	DTD	286,700
3	PVS	90,699	NVB	96,600
4	VNR	84,100	HOM	44,600
5	VIG	60,900	IDJ	20,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.80	15.40	-2.53%	35,226,402
PVS	35.70	35.00	-1.96%	7,989,612
DDG	10.20	9.90	-2.94%	6,769,775
CEO	19.20	19.30	0.52%	5,763,336
AMV	5.50	5.30	-3.64%	4,904,774

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCC	11.00	12.10	1.10	10.00%
SFN	17.10	18.80	1.70	9.94%
VC7	28.50	31.30	2.80	9.82%
NHC	25.60	28.10	2.50	9.77%
SDG	20.90	22.90	2.00	9.57%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAF	59.40	53.50	-5.90	-9.93%
SMN	13.70	12.50	-1.20	-8.76%
BKC	8.10	7.40	-0.70	-8.64%
VNC	45.90	42.00	-3.90	-8.50%
VTC	12.00	11.00	-1.00	-8.33%

(*) Giá điều chỉnh

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	61,799,700	-0.2%	(48)	-	0.9
GEX	25,474,100	1.6%	385	59.1	0.9
SHB	24,666,400	17.9%	2,213	5.9	1.0
SSI	24,032,175	7.3%	1,093	26.2	1.9
DXG	22,831,100	-1.4%	(317)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	35,226,402	4.3%	507	31.2	1.3
PVS	7,989,612	7.2%	1,953	18.3	1.3
DDG	6,769,775	-24.7%	(3,032)	-	1.0
CEO	5,763,336	7.9%	1,076	17.8	1.6
AMV	4,904,774	0.8%	106	51.8	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPH	7.0%	0.4%	39	245.2	0.9
SJS	7.0%	6.6%	1,489	40.4	2.6
CIG	7.0%	7.7%	403	18.5	1.4
LEC	7.0%	-4.6%	(726)	-	0.6
PIT	6.9%	0.5%	45	164.6	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCC	10.0%	0.8%	121	90.9	0.8
SFN	9.9%	11.5%	2,877	5.9	0.7
VC7	9.8%	2.4%	265	107.7	2.6
NHC	9.8%	-1.8%	(341)	-	1.4
SDG	9.6%	2.1%	970	21.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	929,500	5.4%	726	23.0	1.2
VNM	927,150	23.9%	3,937	18.6	4.2
VIC	923,622	4.0%	1,405	46.8	1.8
HSG	764,300	-12.5%	(2,114)	-	1.1
CTG	735,236	15.8%	3,664	8.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	229,600	4.3%	507	31.2	1.3
BVS	93,700	8.3%	2,576	10.2	0.8
PVS	90,699	7.2%	1,953	18.3	1.3
VNR	84,100	0.0%	(9)	-	1.1
VIG	60,900	6.9%	490	17.5	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	504,137	23.0%	5,797	15.6	3.3
VHM	263,875	29.1%	10,332	5.9	1.6
VIC	250,957	4.0%	1,405	46.8	1.8
BID	243,821	19.0%	4,025	12.0	2.1
GAS	193,309	20.3%	6,680	15.1	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,063	7.2%	1,953	18.3	1.3
IDC	15,774	20.7%	3,969	12.0	2.5
THD	14,245	2.9%	504	80.7	2.4
SHS	12,848	4.3%	507	31.2	1.3
KSF	12,030	2.3%	532	75.4	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.31	-0.3%	(51)	-	0.7
TTB	4.01	-0.2%	(17)	-	0.2
AGM	3.53	-46.1%	(10,046)	-	0.7
LEC	3.38	-4.6%	(726)	-	0.6
LDG	3.36	-5.5%	(692)	-	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	5.12	5.9%	668	11.2	0.7
VC7	5.11	2.4%	265	107.7	2.6
CMS	5.06	0.8%	102	130.3	1.0
API	5.04	6.9%	790	8.9	0.6
APS	4.89	-9.5%	(1,172)	-	0.7

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

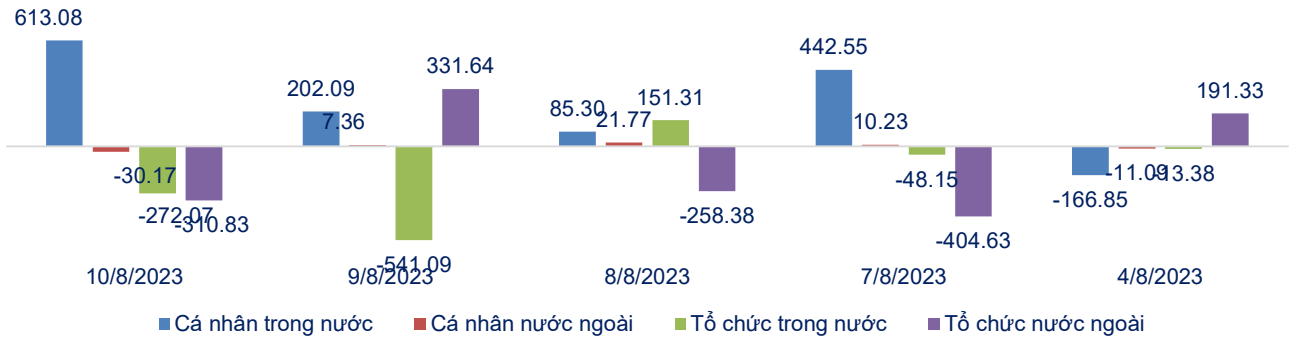

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	142.55	11.1%	1,728	12.8	1.4
SSI	135.13	7.3%	1,093	26.2	1.9
MSN	125.85	3.6%	920	95.6	3.3
VCB	64.48	23.0%	5,797	15.6	3.3
ACB	45.84	24.1%	4,506	5.1	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-99.10	4.0%	1,405	46.8	1.8
VNM	-60.79	23.9%	3,937	18.6	4.2
PNJ	-32.58	20.5%	5,512	14.6	2.9
CTD	-26.77	0.8%	912	72.3	0.6
VHM	-25.77	29.1%	10,332	5.9	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	3.22	-0.2%	(48)	-	0.9
VCG	2.07	3.5%	655	40.7	1.4
MWG	1.66	6.6%	1,069	49.2	3.2
BMP	1.19	36.6%	12,203	7.5	2.7
DXG	1.11	-1.4%	(317)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-12.46	15.8%	3,664	8.9	1.3
KBC	-9.73	16.4%	4,023	7.8	1.2
DIG	-9.40	1.2%	152	169.5	2.0
GIL	-6.23	3.8%	1,361	24.1	0.9
SSI	-5.16	7.3%	1,093	26.2	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	97.31	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFVN30	64.91	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	37.24	4.0%	1,405	46.8	1.8
PNJ	31.89	20.5%	5,512	14.6	2.9
TCB	25.40	15.3%	5,061	6.7	1.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-82.69	7.3%	1,093	26.2	1.9
VPB	-60.03	11.1%	1,728	12.8	1.4
ACB	-45.84	24.1%	4,506	5.1	1.4
NVL	-44.38	-0.2%	(48)	-	0.9
DGC	-41.89	36.7%	10,788	6.9	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	68.14	23.9%	3,937	18.6	4.2
VIC	62.66	4.0%	1,405	46.8	1.8
VHM	38.48	29.1%	10,332	5.9	1.6
CTG	36.03	15.8%	3,664	8.9	1.3
CTD	26.64	0.8%	912	72.3	0.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-93.19	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-91.10	3.6%	920	95.6	3.3
VPB	-82.34	11.1%	1,728	12.8	1.4
E1VFVN30	-68.26	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	-49.96	23.0%	5,797	15.6	3.3

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

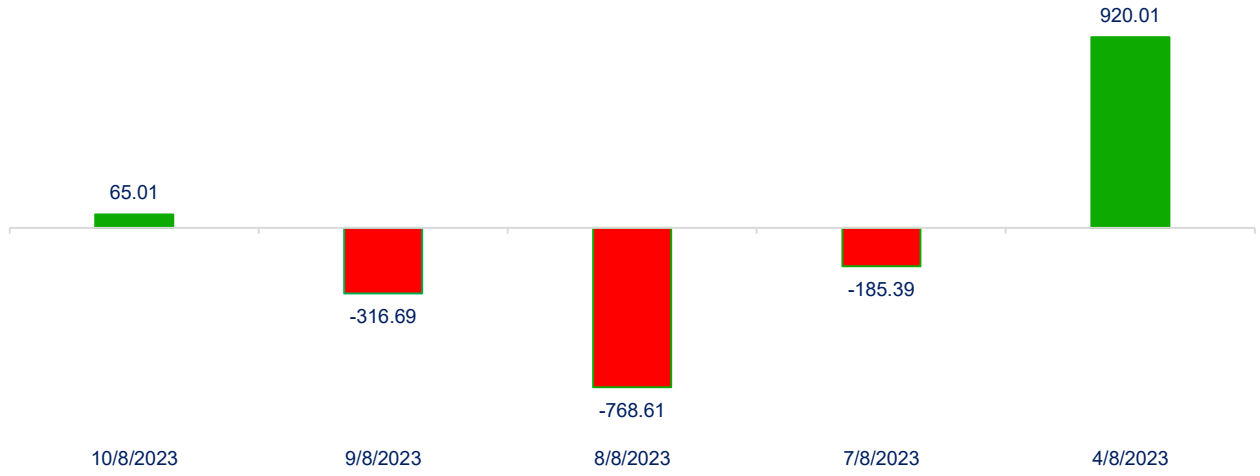

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

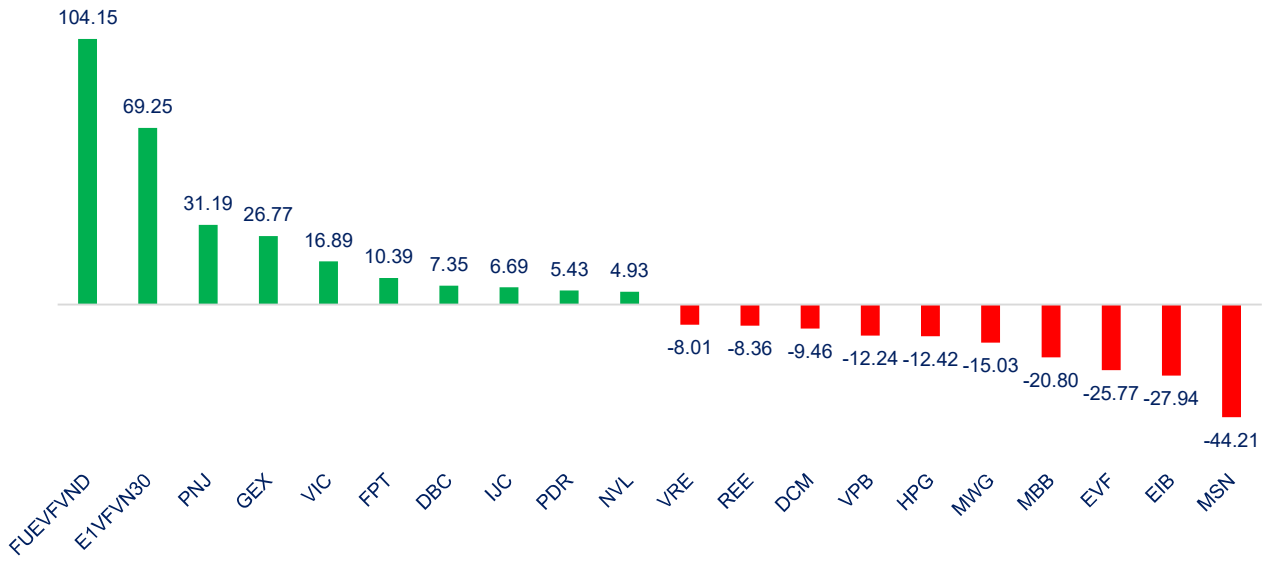

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn